|  |  |
| --- | --- |
|  | CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CHÂU Á- THÁI BÌNH DƯƠNG |
| Tầng 6, 14 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng- Hà Nội |
| ĐT: 04.35771983- Fax: 04.35771985 |

#### **Số: 96/2012/APECI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2012**

I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Thông tin khái quát**

Tên gọi: **Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương**

Tên giao dịch quốc tế: **Asia – Pacific Investment Joint Stock company**

Tên viết tắt: **Apec Investment .,JSC**

Giấy CNGD số 82/GCN-SGDHN

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.04) 3.5771983

Fax: (84.04) 3.5771985

Website: [www.apeci.com.vn](http://www.apeci.com.vn)

Mã cổ phiếu API

Vốn điều lệ 264.000.000.000 VNĐ

Vốn đầu tư của CSH 264.000.000.000 VNĐ

Logo



Giấy CNĐKKD: Số 0103013346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/07/2006, thay đổi lần 10 vào ngày 01 tháng 11 năm 2012

Mã số thuế: 0102005769

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

* Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (viết tắt là APEC Investment., JSC) được thành lập theo Giấy phép ĐKKD số 0103013346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 31 tháng 7 năm 2006 với số vốn điều lệ là 22.950.000.000 đồng
* Ngày 14/05/2007, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp giấy phép ĐKKD lần 2 với số vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng và thay đổi lần 3, lần 4, lần 5, lần 6, lần 7, lần 8, lần 9 và lần 10 vào ngày 01 tháng 11 năm 2012 với sự điều chỉnh về vốn điều lệ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

* Dịch vụ tư vấn, đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
* Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
* Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
* Nghiên cứu, phân tích thị trường;
* Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
* Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật và tài chính);
* Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại;
* Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
* Dịch vụ quan hệ công chúng;
* Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
* Nhận ủy thác đầu tư;
* Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
* Dịch vụ cầm đồ;
* Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
* Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
* Đại lý bảo hiểm;
* Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;
* Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
* Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe buýt, vé tour du lịch;
* Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định.
* Sản xuất, mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm)
* Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành).
* Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

# 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

**4.1 Các công ty con và công ty liên kết:**

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ sở hữu |
| --- | --- | --- |
| Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh | Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên | Khu Công nghiệp Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | 84% |
| Công ty Cổ phần APEC Land Huế | 30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | 55% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam | Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | 99% |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương | Tổ 14, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 62,4% |

**4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý và quản trị công ty**

**4.2.1. Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chủ tịch HĐQT 2. Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc 3. Thành viên HĐQT 4. Thành viên HĐQT 5. Thành viên HĐQT | - Ông Nguyễn Đỗ Lăng  - Ông Nguyễn Duy Khanh  - Ông Đặng Anh Tuấn  - Ông Trần Việt Hùng  - Bà Huỳnh Thị Mai Dung |

**4.2.2. Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Trưởng ban kiểm soát   1. Thành viên ban kiểm soát 2. Thành viên ban kiểm soát | - Bà Lã Thị Quy  - Bà Phạm Hoài Phương  - Bà Nguyễn Hoài Giang |

**4.2.3 Ban Điều hành**

Ban Điều hành là cơ quan quản lý thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị đặt ra.

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| --- | --- | --- | --- |
| Ông Nguyễn Duy Khanh | Tổng Giám đốc | 15 tháng 6 năm 2007 |  |
| Ông Trần Việt Hùng | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 3 năm 2007 | 01 tháng 7 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Thế Công | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 11 năm 2009 | 01 tháng 01 năm 2012 |

**4.2.4 Thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành**

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty CP Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương được hưởng các quyền lợi, thù lao và thu nhập theo quy chế chung của Công ty. Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 1,5 tỷ đồng. Mức thù lao thực tế chi trả đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 là 889.500.000VNĐ

# 5. Các định hướng phát triển:

Trong tầm nhìn chiến lược của mình, Apeci xác định sẽ tập trung nỗ lực phát triển nguồn nhân lực song song với việc nâng cao tiềm lực tài chính, chuyên môn hóa trong từng lĩnh vực hoạt động và không ngừng tiếp thu, ứng dụng công nghệ hiện đại. Với phương châm lợi ích của khách hàng cũng chính là động lực phát triển của công ty, Apeci đang từng bước hoàn thiện mình, phấn đấu trở thành một trong những công ty bất động sản hàng đầu Việt Nam và vươn tầm ra thị trường quốc tế.

# II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

# 1. Tình hình chung

Năm 2012 được đánh giá là một trong những năm khó khăn gần đỉnh điểm của nền kinh tế thế giới, kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra năm 2007- 2008. Nợ công Châu Âu chưa có lối thoát rõ ràng, kinh tế các nước phát triển suy giảm, các nền kinh tế mới nổi không mấy khả quan. Kết quả, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm, thất nghiệp tăng cao, sức mua giảm, nợ công nhiều hơn...

Đối với kinh tế Việt Nam, mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô về cơ bản có phát huy tác dụng, song khó khăn mà nền kinh tế chưa giải quyết được trong ngắn hạn là vấn đề hàng tồn kho, nợ xấu; giải cứu khó khăn cho: bất động sản, doanh nghiệp, người lao động…Những tồn tại này vẫn là thách thức lớn đối với Nhà nước và doanh nghiệp.

Với thị trường bất động sản năm 2012, hầu hết các doanh nghiệp bất động sản hoạt động phụ thuộc vào vốn vay, không có dự trữ tài chính hợp lý, phân khúc thị trường và cơ cấu sản phẩm không phù hợp đều thua lỗ, không ít doanh nghịêp đang đứng trước nguy cơ phá sản. Có thể nói nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng khó khăn của thị trường bất động sản là do: (i) Khó khăn về kinh tế ảnh hưởng đến nguồn tiền đầu tư vào thị trường bất động sản (ii) Mặt bằng giá bất động sản vẫn còn khá cao so với thu nhập của người dân và mức độ phát triển của nền kinh tế, đặc biệt ở các đô thị lớn (iii) Nguồn cung sản phẩm nhà ở, căn hộ chưa cân đối giữa các phân khúc, đặc biệt là phân khúc nhà trung bình và giá thấp, không được quan tâm đầu tư, đáp ứng được nhu cầu xã hội cần (iv) Chính sách pháp luật quản lý thị trường bất động sản vẫn còn nhiều bất cập, chưa thật sự hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh của thị trường đặc biệt là thủ tục hành chính, quản lý đầu tư xây dựng, đền bù, quy định về điều kiện huy động vốn chưa linh họat, ảnh hưởng đến thanh khoản của thị trường.

Nhận định tình hình năm 2012 vẫn còn nhiều khó khăn nên trong năm Ban điều hành đã triển khai hết sức thận trọng, tạm dừng và giãn tiến độ hầu hết các dự án đang ở giai đoạn lập thủ tục, đền bù giải phóng mặt bằng; thực hiện thi công hạ tầng theo giai đoạn phù hợp với khả năng tài chính và tiến độ huy động vốn, hợp tác chặt chẽ với các nhà thầu.

Kết quả kinh doanh năm 2012, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra, nhưng đã tăng được nguồn tiền mặt đáng kể so với đầu năm từ huy động vốn, bán đất, nhà ở, thu hoạt động tài chính (số dư tiền mặt đến 31/12/2012 là: 37 tỷ đồng, so với đầu năm là 18 tỷ đồng). Kết quả kinh doanh lỗ, do thanh lý một khoản đầu tư chứng khoán dài hạn để thu hồi vốn, giảm rủi ro tái cơ cấu vốn đầu tư để tập trung nguồn tiền cho các dự án có khả năng mang lại hiệu quả. Đối với hoạt động đầu tư các dự án bất động sản cơ bản vẫn giữ được ổn định và có hiệu quả, nhưng chưa hoàn thành thủ tục để ghi nhận doanh thu trong năm 2012. Trong năm 2012, số tiền thu huy động vốn từ các dự án gần 35 tỷ đồng; các dự án đã đưa vào khai thác gồm dự án: Trung tâm Thương mại Thái Nguyên, Khu đô thị số 5 Túc duyên – Thái Nguyên, Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh. Tổng huy động vốn của các dự án đến 31/12/2012 là: 125 tỷ đồng, trong đó bao gồm cả giá trị đối trừ cho các nhà thầu xây dựng công trình hạ tầng, từng bước cân đối và thu hồi dần chi phí vốn đã đầu tư và sẽ thực hiện ghi nhận doanh thu khi hoàn tất thủ tục pháp lý. Doanh thu trong năm 2012, chủ yếu là doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi tiết kiệm và thu nhập khác).

# Dự báo, trong ngắn hạn và năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng xét về trung và dài hạn, lĩnh vực bất động sản vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển, đặc biệt ở phân khúc trung bình và giá rẻ hơn sẽ đáp ứng nhu cầu của người dân. Việt Nam vẫn còn nhiều yếu tố để phát triển như mức gia tăng dân số, nhu cầu đô thị hoá, kinh tế đang phát triển … Vì vậy, Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực kiểm soát tình hình hoạt động đầu tư, quy hoạch - thiết kế các sản phẩm nhà ở, đất phù hợp cho từng dự án, giám sát bán hàng, tiết kiệm chi phí, tăng tích luỹ tài chính là yếu tố sống còn để đảm bảo phát triển bền vững

**2. Tình hình triển khai các dự án đầu tư năm 2012:**

**2.1 Các dự án trong giai đoạn lập thủ tục hồ sơ chuẩn bị triển khai:**

**2.1.1 Dự án Khu đô thị tại Quy Nhơn - Bình Định:** Văn phòng Đại diện Công ty tại thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm công tác xúc tiến đầu tư :

**a. Khu đô thị Nhơn Phú – Tp. Quy Nhơn**: Đã được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương, đang trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết 1/500.

**b. Khu dân cư Bàn Thành - An Nhơn**: UBND Thị xã An Nhơn đã chấp thuận chủ trương, đang triển khai công tác quy hoạch chi tiết 1/500.

**2.1.2 Dự án Khu Phức hợp Thuỷ Vân giai đoạn I – Khu đô thị mới An Vân Dương – Tp. Huế:** UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, đã cấp phép đầu tư cho Công ty CP APEC Land Huế. Quy mô dự án: 34,7 ha, diện tích đất kinh doanh: 10,4 ha, đang trong giai đoạn lập phương án triển khai đền bù chi tiết.

Bên cạnh việc triển khai đầu tư dự án trên, Công ty CP Apec Land Huế có thực hiện hợp tác kinh doanh khai thác đá xây dựng tại mỏ đá Núi Voi - Xã Bình Thành - Thừa Thiên Huế.

**2.1.3 Dự án Khu đô thị tại thành phố Hà Nam**: Dự án đang ở giai đoạn lập hồ sơ xin cấp phép đầu tư. Quy mô dự án: 88 ha, diện tích đất kinh doanh: 37,7 ha.

**2.1.4 Dự án Quản lý, khai thác chợ Tam Đa, thành phố Hà Nội**: Công ty đã được UBND thành phố Hà Nội giao đất, thực hiện hợp đồng thuê đất, lập đồ án thiết kế đầu tư Trung tâm TM, VP cho thuê. Quy mô dự án: Diện tích đầu tư: 783m2, diện tích kinh doanh: 783m2, tổng mức đầu tư dự kiến: 50 tỷ đồng.

Các dự án nghiên cứu mới, nếu có tính khả thi cao, sẽ triển khai thực hiện và công bố thông tin.

**2.2. Các dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và khai thác:**

**2.2.1 Dự án Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên:**

Dự án có vị trí tại ngã 3 Bắc Nam, thành phố Thái Nguyên với diện tích 3,1 ha (trong đó diện tích kinh doanh: 2,1 ha) được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 1849/UBND-TH ngày 18/11/2008. Quy hoạch xây dựng khu dự án bao gồm:

- 42 căn biệt thự, diện tích từ 200 - 300m2

- 28 căn nhà chia lô, diện tích 80 - 100m2.

- Tòa nhà căn hộ cao cấp để bán: 10 tầng.

- Tòa nhà chăm sóc sức khỏe quốc tế  9 tầng

- Tòa tháp đôi Trung tâm thương mại, khách sạn và văn phòng cho thuê : 12 tầng

đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng giai đoạn 1 (2,3ha), đang triển khai xây dựng một số nhà mẫu biệt thự, nhà chia lô thực hiện kinh doanh, huy động vốn. Tiếp tục hoàn thành thủ tục đền bù GPMB phần đất còn lại của giai đoạn 2, xác định tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định.



**2.2.2 Dự án Đầu tư - Kinh doanh Hạ Tầng KCN Nhỏ và Vừa Đa Hội – Khu số 2 - Bắc Ninh:**

Dự án thuộc khu vực các làng nghề truyền thống lâu năm về sản xuất Thép, Đồ gỗ nội thất, Đồng Kỵ, Phù Khê, Thiết Úng, sản xuất bao bì, nông sản Đình Bảng, Ninh Hiệp…Dự án gần tuyến quốc lộ 1A, đường sắt Hà Nội Lạng Sơn, cách Hà Nội 14km. Diện tích được giao đầu tư 34,5ha, diện tích đất kinh doanh: 21,5ha, tổng mức đầu tư khoảng 465 tỷ đồng.

Công ty đã hoàn thành đền bù GPMB 19,6ha đất Khu số 2 của dự án, đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, từ 2 - 3 ha.



**2.2.3 Dự án Trung tâm Thương mại - Tài chính Bắc Ninh:**

Dự án nằm ở trung tâm thành phố Bắc Ninh, cạnh trung tâm văn hóa Kinh Bắc, phía sau văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh, diện tích 7.571m2. Dự án, gồm 3 tòa nhà có diện tích 600 - 700m2, chiều cao xây dựng 6 tầng.

Công ty đã hoàn tất đền bù toàn bộ diện tích, đang lập hồ sơ trình phê duyệt đồ án quy hoạch thiết kế xây dựng. Tổng mức đầu tư dự kiến: 63 tỷ đồng



**2.2.4 Dự án KCD Số 5 Túc Duyên – Tp. Thái Nguyên:**

Tổng diện tích được cấp phép đầu tư là 40ha, diện tích đất kinh doanh 18,5ha. Công ty APEC Thái Nguyên đã thực hiện đền bù GPMB diện tích 3,6 ha và đã xây dựng hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Dự án đã đưa vào kinh doanh huy động vốn, đồng thời đầu tư xây dựng khu tái định cư cho giai đoạn 2 của dự án Trung tâm TM Thái Nguyên.

Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện huy động góp vốn. Tình hình thị trường có khởi sắc hơn từ đầu năm 2013. Dự kiến riêng năm 2013, phần diện tích 3,6 ha đang thực hiện sẽ mang về cho Công ty khoản doanh thu khoảng 35 tỷ đồng.

Phần diện tích đất 36,4 ha còn lại của dự án, Công ty đang khẩn trương lập phương án đền bù, thu hồi đất trình thành phố phê duyệt để triển khai đầu tư theo giai đoạn.

**2.2.5 Dự án KCN Điềm Thụy – Thái Nguyên:**



Dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chi tiết, cấp giấy chứng nhận đầu tư số 172031000013 ngày 4/6/2009; đã được Chính phủ và UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quyết định 43/2009/QĐ - TTg ngày 19 tháng 3 năm 2009 là 70 tỷ đồng.

Khu công nghiêp Điềm Thụy, có diện tích 170ha, thuộc địa phận 2 huyện Phú Bình và Phổ Yên, sát với đường cao tốc quốc lộ 3 (Hà Nội – Thái Nguyên) đang được triển khai xây dựng. Đây là khu công nghiệp tập trung, nằm trong danh mục các khu công nghiệp Việt Nam được ưu tiên phát triển từ nay đến năm 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các doanh nghiệp vào đầu tư tại khu công nghiệp Điềm Thụy sẽ được nhận những chế độ ưu đãi cao nhất của Chính phủ. Các ưu điểm của dự án:

- Gần hệ thống đường bộ (quốc lộ 3A và cao tốc 3B chuẩn bị xây dựng), đường sông (sông Cầu, sông Công, cảng Đa phúc), đường sắt (Hà nội-Thái Nguyên) và đường hàng không (cách sân bay Nội Bài 20 Km).

- Điều kiện địa chất chắc chắn, ổn định giúp giảm giá trị đầu tư móng cho các doanh nghiệp và các ngành công nghiệp nặng.

- Giảm được giá trị san lấp nhờ sử dụng đất san đồi.

- Nguồn nhân lực dồi dào, kinh nghiệm, tay nghề cao với hệ thống trường Đại học, dạy nghề lớn thứ 3 của Việt Nam.

- Gần nguồn nguyên vật liệu và thủ đô Hà Nội (50 Km).

Công ty APEC Thái Nguyên đang triển khai thi công từng phần, hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 - diện tích 23,4ha.

**2.2.6 Dự án khai thác mỏ Mangan Khau Lôi, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang :**

Dự án được UBND tỉnh Hà Giang cho phép Công ty cổ phần Khoáng sản châu Á – Thái Bình Dương (trong đó APECI là cổ đông lớn nhất, chiếm 63% vốn điều lệ) được quyền khai thác, chế biến khoáng sản theo quyết định số 256/UBND-NVKT ngày 10/02/2009. Trữ lượng khoảng 114.750 tấn quặng (loại 35%). Thời gian khai thác khoảng 5 năm.

Công ty đã chi trả xong tiền đền bù GPMB, đang xây dựng hạ tầng phục vụ khai thác, chế biến; ký kết hợp đồng khai thác khoáng sản với đối tác để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phân chia lợi ích theo tỷ lệ thoả thuận.

**2.2.7 Dự án tái định cư khu vực Giống cây trồng Túc Duyên:**

Dự án đầu tư kinh doanh nhà ở, trung tâm thương mại, sau khi tái định cư cho Chi nhánh giống cây trồng nhà nước, tại Trung tâm thương mại Bắc Nam, hiện công tác đền bù GPMB đang được triển khai. Diện tích cấp phép đầu tư: 4.624m2, tổng mức đầu tư dự kiến: 6,3 tỷ đồng.

**3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:**

**3.1 Đầu tư vào công ty con**

|  | **Số cuối năm** |  | **Số đầu năm** |
| --- | --- | --- | --- |
| Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh | 5.851.012.220 |  | 5.837.012.220 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên | 28.558.733.953 |  | 25.734.385.157 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế | 3.186.364.000 |  | 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam ( | 1.000.000 |  | - |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương | 6.726.400.000 |  | 6.726.400.000 |
| **Cộng** | **44.323.510.173** |  | **40.297.797.377** |

**3.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

|  | **Số cuối năm** | |  | **Số đầu năm** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Số lượng CP** | **Giá trị** |  | **Số lượng CP** | **Giá trị** |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương | - | - |  | 709.240 | 7.092.400.000 |
| Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á | 57.500 | 575.000.000 |  | 57.500 | 575.000.000 |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** |  | **575.000.000** |  |  | **7.667.400.000** |

**3.3 Đầu tư dài hạn khác**

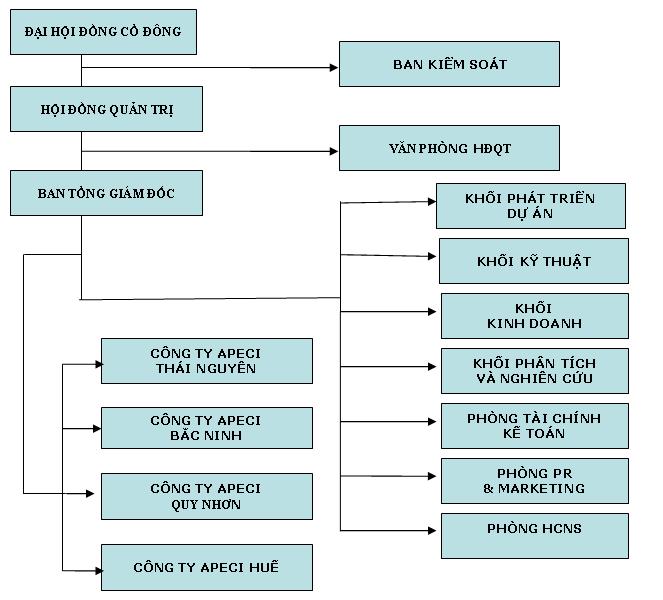
|  | **Số cuối năm** | |  | **Số đầu năm** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Số lượng** | **Giá trị** |  | **Số lượng** | **Giá trị** |
| Đầu tư cổ phiếu |  | 45.931.900.000 |  |  | 82.918.167.000 |
| *Công ty Cổ phần Nam Dược* | *223.900* | *5.597.500.000* |  | *223.900* | *5.597.500.000* |
| *Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động* | *-* | *-* |  | *1.198.450* | *36.986.267.000* |
| *Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội* | *602.970* | *40.334.400.000* |  | *602.970* | *40.334.400.000* |
| **Cộng** |  | **45.931.900.000** |  |  | **82.918.167.000** |

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

* Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hợp tác lao động: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

**4. Tổ chức và nhân sự:**

a, Cơ cấu tổ chức của công ty:



b, Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ nhân viên của công ty tính đến ngày 31/12/2012 là 54 người. Về chính sách đối với người lao động Công ty thực hiện theo đúng các quy định của Luật lao động.

c, Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt:

1. **Ông Nguyễn Đỗ Lăng: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị: | NGUYỄN ĐỖ LĂNG  Nam  22/9/1974  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Bắc Ninh  10-B3, TT KTQD, Đồng Tâm, Hà Nội  12/12  Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh  Chủ tịch Hội đồng quản trị  3,979,922  Không  Không  Có |

1. **Ông Nguyễn Duy Khanh: Thành viên Hội đồng quản trị**

**Tổng Giám đốc**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | NGUYỄN DUY KHANH  Nam  17/05/1974  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội  Đại Vĩ, Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội  12/12  Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh  TV Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc  500,000  Không  Không  Có |

1. **Ông Trần Việt Hùng: Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | TRẦN VIỆT HÙNG  Nam  17/05/1974  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Hưng Hà - Thái Bình  10 ngách 168/23 Hào Nam, Đống Đa, HN  12-12  Thạc sỹ xây dựng công trình giao thông  TV HĐQT, Phó tổng giám đốc  0  Không  Không  Không |

1. **Ông Đặng Anh Tuấn: Thành viên Hội đồng quản trị**

**Phụ trách các dự án miền trung**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | ĐẶNG ANH TUẤN  Nam  05/04/1959  Quảng Bình  Việt Nam  Kinh  Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, T.T Huế  Số 9/58, đường Phùng Hưng, Tp Huế  12/12  Cử nhân Kinh tế, cử nhân luật  TV HĐQT, Phụ trách các DA Miền Trung  Không  Không  Không  Có |

1. **Bà Huỳnh Thị Mai Dung: Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | HUỲNH THỊ MAI DUNG  Nữ  06/07/1975  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam  Số 12A/T3 Ciputra, Quận Tây Hồ, Hà Nội  12/12---  Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh  TV Hội đồng quản trị  999,000  Không  Không  Không |

1. **Bà Lã Thị Quy: Trưởng ban kiểm soát**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | LÃ THỊ QUY  Nữ  04/07/1982  Hải Phòng  Việt Nam  Kinh  Hải Phòng  Số 27 Ngõ phụ 4 ngõ 313 Phường Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng  12/12  Đại học - Tài chính kế toán  Trưởng ban KS  100 cổ phần  Không  Không  Không |

1. **Bà Phạm Hoài Phương: Thành viên Ban kiểm soát**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | PHẠM HOÀI PHƯƠNG  Nữ  14/10/1981  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Hà nội  35 Bùi Ngọc Dương, Hai Bà Trưng, HN  12/12  Kế toán  Thành viên BKS  Không  Không  Không  Không |

1. **Bà Nguyễn Hoài Giang: Thành viên Ban kiểm soát.**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | NGUYỄN HOÀI GIANG  Nữ  23/08/1982  Hà Nội  Việt Nam  Kinh  Hà nội  Số nhà 18 ngõ 2 Thái Hà, Hà nội  12/12  Đại học - Tài chính kế toán  Thành viên BKS  Không  Không  Không  Không |

1. **Ông Đào Xuân Đức: Kế toán trưởng**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:  Giới tính:  Ngày tháng năm sinh:  Nơi sinh:  Quốc tịch:  Dân tộc:  Quê quán:  Địa chỉ thường trú:  Trình độ văn hóa:  Trình độ chuyên môn:  Chức vụ công tác hiện nay:  Số cổ phần nắm giữ:  Hành vi vi phạm pháp luật:  Các khoản nợ vay công ty/Công ty vay:  Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: | ĐÀO XUÂN ĐỨC  Nam  01/09/1974  Vĩnh Phú  Việt Nam  Kinh  Hà Nội  79 Lý Nam Đế, Hà Nội  Đại Học  Cử nhân kinh tế  Kế toán trưởng  0  Không  0  Không |

**5. Tình hình tài chính**

**5.1 Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2012** |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịnh vụ** |  |
| **2. Doanh thu hoạt động tài chính** | 8,745,888,251 |
| 3. Chi phí tài chính | (24,423,988,665) |
| 4. Chi phí bán hàng |  |
| 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp | (4,869,465,802) |
| **6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **(20,547,566,216)** |
| 7. Lợi nhuận khác | **632,982,415** |
| **8. Lợi nhuận trước thuế** | **(19,914,583,801)** |
| 9. Chi phí thuế TN hiện hành | 189,004,942 |
| **10. Lợi nhuận sau thuế** | **(20,103,588,743)** |

**5.2 Chỉ tiêu kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận năm 2013**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Diễn giải**  **(Doanh thu các dự án sẽ thực hiện ghi nhận khi hòan thành thủ tục pháp lý)** | **Giá trị** | |
| **1** | Dự án Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Khách sạn cao cấp thành phố Thái Nguyên | 15 tỷ đồng | |
| **2** | Dự án KDC số 5 Túc Duyên | 35 tỷ đồng | |
| **3** | Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng KCN Đa Hội – Khu số 2 - Bắc Ninh | 12.5 tỷ đồng | |
| **4** | Dự án Khai thác, chế biến quặng Mangan tại Hà Giang | 1 tỷ đồng | |
| **5** | Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác | 5 tỷ đồng | |
|  | **Tổng** | **68.5 tỷ đồng** | |
| **II** | **Chi phí** |  | |
| **1** | Chi phí tài chính |  | |
| **2** | Chi phí bán hàng | 0.63 tỷ đồng | |
| **3** | Giá vốn hàng bán ( ghi nhận khi hoàn thành thủ tục) | 44.5 tỷ đồng | |
| **3** | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5 tỷ đồng | |
|  | **Tổng** | **50,13 tỷ đồng** | |
| **III** | **Lợi nhuận truớc thuế** | | **18.37 tỷ đồng** | |

**5.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **Ghi chú** |
| *1.     Chỉ tiêu về khả năng thanh toán* |  |  |  |
|         Hệ số thanh toán ngắn hạn: |  |  |  |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 85% | 71% |  |
|         Hệ số thanh toán nhanh: |  |  |  |
| TSLĐ - Hàng tồn kho | 85% | 71% |  |
| Nợ ngắn hạn |  |  |  |
| *2.     Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* |  |  |  |
|         Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 38% | 45% |  |
|         Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 65% | 83% |  |
| *3.     Chỉ tiêu về năng lực hoạt động* |  |  |  |
|         Vòng quay hàng tồn kho: |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán |  |  |  |
| Hàng tồn kho bình quân | - | - |  |
|         Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 4% | 2% |  |
| *4.     Chỉ tiêu về khả năng sinh lời* |  |  |  |
|         Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 39% | - 230% |  |
|         Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 2% | - 9% |  |
|         Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 1% | - 5% |  |
|         Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 40% | - 235% |  |

**6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**6.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

|  | **Theo Điều lệ Công ty** | |  | **Vốn điều lệ đã góp (VND)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **VND** | **Tỷ lệ (%)** |
| Ông Nguyễn Đỗ Lăng | 39.799.220.000 | 15,08% |  | 39.799.220.000 |
| Ông Nguyễn Duy Khanh | 5.000.000.000 | 1,89% |  | 5.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 219.200.780.000 | 83,03% |  | 219.200.780.000 |
| **Cộng** | **264.000.000.000** | **100%** |  | **264.000.000.000** |

**6.2 Cơ cấu cổ đông**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | DANH MỤC | Số CĐ | Số CP | Tỷ lệ |
| **1** | **Cổ đông trong nước** | 1673 | 26,216,900 | 99,306% |
| a | Cá nhân | 1661 | 25,707,679 | 97.378% |
| b | Tổ chức | 12 | 509,221 | 1.928% |
| **2** | **Cổ đông nước ngoài** | 7 | 183,100 | 0.694% |
| a | Cá nhân | 6 | 183,000 | 0.69318% |
| b | Tổ chức | 1 | 100 | 0.00082% |

**6.3 Cổ phần**

|  | **Số cuối kỳ** |  | **Số đầu năm** |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.400.000 |  | 26.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành |  |  |  |
| * *Cổ phiếu phổ thông* | *26.400.000* |  | *26.400.000* |
| * *Cổ phiếu ưu đãi* | *-* |  | *-* |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại |  |  |  |
| * *Cổ phiếu phổ thông* | *-* |  | *-* |
| * *Cổ phiếu ưu đãi* | *-* |  | *-* |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.400.000 |  | 26.400.000 |
| * *Cổ phiếu phổ thông* | *26.400.000* |  | *26.400.000* |
| * *Cổ phiếu ưu đãi* | *-* |  | *-* |

**III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Đánh giá tình hình chung:**

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh Công ty vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng xấu từ tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới: lạm phát vẫn ở mức cao, tăng trưởng thấp, chính sách tiền tệ vẫn còn nhiều khó khăn. Tâm lý của thị trường nói chung và bất động sản nói riêng là chờ đợi, bi quan, diễn biến phức tạp, khó lường đã phần nào chi phối các quyết định đầu tư, tiêu dùng và kinh doanh toàn xã hội. Mặc dầu, trong qúy 4/2012 tình hình chung có dấu hiệu khả quan hơn nhưng chỉ mang tính thời điểm, thiếu bền vững.

Dự báo tình hình năm 2013 vẫn là năm mà thị trường bất động sản và các doanh nghiệp tiếp tục vượt khó, cùng tái cấu trúc với nền kinh tế. Tuy nhiên, về trung và dài hạn vẫn có cơ sở để tin tưởng, mở ra một thời kỳ ổn định và phát triển mới của doanh nghiệp, nền kinh tế đang còn nhiều tiềm năng và chưa phát triển.

**2. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát hoạt động kinh doanh:**

- Trước tình hình khó khăn chung, Hội đồng quản trị đã nỗ lực và quyết tâm cao nhất, cùng với Ban điều hành, chỉ đạo giải quyết những yêu cầu quan trọng trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, chỉ tiêu kế hoạch năm chưa hoàn thành, kết quả kinh doanh bị lỗ do Hội đồng quản trị phải quyết định bán cổ phiếu đầu tư tài chính dài hạn để thu hồi vốn (nếu không tính hoạt động đầu tư tài chính, thì hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản vẫn có hiệu quả). Hoạt động huy động vốn, bán hàng chỉ đạt mức 35 tỷ đồng (đạt 52% chỉ tiêu kế hoạch), nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong năm. Hoạt động đầu tư xây dựng, chỉ tập trung cho các dự án cần thiết phải hoàn thành tiến độ, có thể đưa vào khai thác. HĐQT, quyết định tạm dừng và giãn tiến độ một số dự án đã có kế hoạch triển khai nhằm kiểm soát tình hình và dự phòng rủi ro khi tình hình kinh tế vẫn còn bất ổn.

- Giám sát chỉ đạo các hoạt động bán hàng, lựa chọn đơn vị hợp tác phân phối đất - nhà ở, huy động vốn cho các dự án; quyết định cơ chế hợp tác với các nhà thầu thi công xây dựng; điều chỉnh, phê duyệt chính sách phù hợp đảm bảo hoạt động huy động vốn thuận lợi.

- HĐQT thực hiện đầy đủ các cuộc họp thường xuyên và định kỳ cùng với Ban kiểm soát, nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, giám sát, thực hiện các chức năng của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Theo dõi kế hoạch triển khai các công việc cụ thể của Ban điều hành, về tiến độ đầu tư các dự án, kiểm soát nguồn vốn, phương án thu hồi vốn, báo cáo kết quả công việc của các phòng ban.

- Nghiên cứu phát triển dự án, lĩnh vực đầu tư mới như: Thương mại điện tử, du lịch, lữ hành quốc tế… Xây dựng quan hệ hợp tác tốt để duy trì, phát triển các dự án mới phù hợp với định hướng của Công ty.

**3. Phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013:**

- Về nhân sự: quản lý nâng cao năng lực điều hành hiệu quả của bộ máy lãnh đạo, cải thiện chất lượng làm việc của cán bộ nhân viên toàn Công ty, thông qua chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể.

- Chỉ đạo quản lý tình hình thực hiện các hợp đồng thi công xây dựng dự án, các hạng mục cần ưu tiên hoàn thành để tiếp tục đưa vào khai thác đối với các dự án: Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh, Khu công nghiệp Điềm Thụy – Thái Nguyên, Trung tâm TM Thái Nguyên, Khu đô thị số 5 và số 8 Túc duyên – Thái Nguyên, Chợ Tam Đa – Hà Nội. Xem xét kế hoạch chi tiết triển khai các dự án còn lại, đảm bảo phù hợp với năng lực và điều kiện kinh doanh thực tế.

- Đẩy mạnh quản lý công tác marketing, bán hàng, huy động vốn; nâng cao uy tín, thương hiệu thông qua cung cấp sản phẩm đất – nhà ở cho khách hàng và các dịch vụ hỗ trợ. Xác định phân khúc nhà ở, đất, căn hộ trung bình và giá rẻ là định hướng chủ đạo cho sản phẩm đầu ra của các dự án.

- Phê duyệt kế hoạch chi phí chặt chẽ đảm bảo hoạt động kinh doanh thuận lợi, phù hợp thực tế; hoàn thiện các quy định, cơ chế tài chính làm cơ sở cho việc thực thi quyền kiểm soát.

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện chỉ tiêu kế họach đã trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bao gồm các chỉ tiêu về: doanh thu, huy động vốn, lợi nhuận, thủ tục pháp lý về đất - nhà ở đã bán; tiến độ, khối lượng và giá trị các hạng mục công trình.

- Thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty, pháp luật, các uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông có sự giám sát đầy đủ của Ban kiểm soát.

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán.

Link đính kèm file: (<http://www.apeci.com.vn/detail_message.asp?lang=1&fold=807&SubCatID=807&msgID=1743&tr=0&dr=0>)

**1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** | | | | | | | |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | Đơn vị tính: VND |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TÀI SẢN** | | | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** |  | **Số đầu năm** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A -** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** |  | **100** |  | **129,177,366,192** |  | **122,627,478,707** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | | **110** | **V.1** | **39,410,911,320** |  | **19,127,234,881** |
| 1. | Tiền |  | 111 |  | 1,472,676,693 |  | 698,984,634 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền |  | 112 |  | 37,938,234,627 |  | 18,428,250,247 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | | **120** |  | **17,368,428,100** |  | **22,643,015,591** |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn |  | 121 |  | 20,110,622,000 |  | 25,616,741,991 |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | 129 |  | (2,742,193,900) |  | (2,973,726,400) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **130** |  | **55,727,499,865** |  | **34,496,348,704** |
| 1. | Phải thu khách hàng |  | 131 |  | 213,477,095 |  | 214,439,120 |
| 2. | Trả trước cho người bán |  | 132 |  | 15,431,126,662 |  | 25,662,750,162 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn |  | 133 |  | - |  | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 134 |  | - |  | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác |  | 135 |  | 40,261,873,203 |  | 8,619,159,422 |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 139 |  | (178,977,095) |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** |  | **140** |  | **589,142,586** |  | **251,212,241** |
| 1. | Hàng tồn kho |  | 141 |  | 589,142,586 |  | 251,212,241 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | 149 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** |  | **150** |  | **16,081,384,321** |  | **46,109,667,290** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn |  | 151 |  | 44,235,927 |  | 240,910,078 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 152 |  | 3,269,774,045 |  | 2,154,804,189 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 154 |  | - |  | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 157 |  | - |  | - |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác |  | 158 |  | 12,767,374,349 |  | 43,713,953,023 |
| **B -** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** |  | **200** |  | **295,056,740,703** |  | **282,071,967,724** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | | **210** |  | **-** |  | **-** |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | | 211 |  | - |  | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | | 212 |  | - |  | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ |  | 213 |  | - |  | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác |  | 218 |  | - |  | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | 219 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Tài sản cố định** |  | **220** |  | **242,560,563,561** |  | **193,012,150,724** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình |  | 221 |  | 1,277,465,809 |  | 1,529,622,940 |
|  | *Nguyên giá* |  | *222* |  | *2,055,655,878* |  | *2,055,655,878* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* |  | *223* |  | *(778,190,069)* |  | *(526,032,938)* |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | | 224 |  | - |  | - |
|  | *Nguyên giá* |  | *225* |  | *-* |  | *-* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* |  | *226* |  | *-* |  | *-* |
| 3. | Tài sản cố định vô hình |  | 227 |  | 4,888,889 |  | 12,580,648 |
|  | *Nguyên giá* |  | *228* |  | *75,888,000* |  | *75,888,000* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* |  | *229* |  | *(70,999,111)* |  | *(63,307,352)* |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 230 |  | 241,278,208,863 |  | 191,469,947,136 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Bất động sản đầu tư** |  | **240** |  | **-** |  | **-** |
|  | Nguyên giá |  | 241 |  | - |  | - |
|  | Giá trị hao mòn lũy kế |  | 242 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | | **250** |  | **49,005,740,000** |  | **85,887,817,000** |
| 1. | Đầu tư vào công ty con |  | 251 |  | 6,726,400,000 |  | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 252 |  | 915,000,000 |  | 8,007,400,000 |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác |  | 258 |  | 45,931,900,000 |  | 82,918,167,000 |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | 259 |  | (4,567,560,000) |  | (5,037,750,000) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V.** | **Tài sản dài hạn khác** |  | **260** |  | **3,490,437,142** |  | **3,172,000,000** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn |  | 261 |  | 318,437,142 |  | - |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 262 |  | - |  | - |
| 3. | Tài sản dài hạn khác |  | 268 |  | 3,172,000,000 |  | 3,172,000,000 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI.** | **Lợi thế thương mại** |  | **269** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** |  | **270** |  | **424,234,106,895** |  | **404,699,446,431** |
| **A -** | **NỢ PHẢI TRẢ** |  | **300** |  | **191,783,374,272** |  | **152,145,125,065** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** |  | **310** |  | **181,841,900,271** |  | **144,018,429,481** |
| 1. | Vay và nợ ngắn hạn |  | 311 |  | - |  | - |
| 2. | Phải trả người bán |  | 312 |  | 75,867,422,411 |  | 54,462,948,829 |
| 3. | Người mua trả tiền trước |  | 313 |  | - |  | - |
| 4. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 314 |  | 769,601,549 |  | 156,359,426 |
| 5. | Phải trả người lao động |  | 315 |  | 233,342,826 |  | 288,457,550 |
| 6. | Chi phí phải trả |  | 316 |  | - |  | - |
| 7. | Phải trả nội bộ |  | 317 |  | - |  | - |
| 8. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 318 |  | - |  | - |
| 9. | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | 319 |  | 104,794,030,285 |  | 88,542,568,333 |
| 10. | Dự phòng phải trả ngắn hạn |  | 320 |  | - |  | - |
| 11. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi |  | 323 |  | 177,503,200 |  | 568,095,343 |
| 12. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 327 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Nợ dài hạn** |  | **330** |  | **9,941,474,001** |  | **8,126,695,584** |
| 1. | Phải trả dài hạn người bán |  | 331 |  | - |  | - |
| 2. | Phải trả dài hạn nội bộ |  | 332 |  | - |  | - |
| 3. | Phải trả dài hạn khác |  | 333 |  | - |  | - |
| 4. | Vay và nợ dài hạn |  | 334 |  | - |  | - |
| 5. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 335 |  | - |  | - |
| 6. | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | 336 |  | - |  | - |
| 7. | Dự phòng phải trả dài hạn |  | 337 |  | - |  | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện |  | 338 |  | 9,941,474,001 |  | 8,126,695,584 |
| 9. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 339 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B -** | **NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **400** |  | **232,450,732,623** |  | **252,554,321,366** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** |  | **410** | **V.25** | **232,450,732,623** |  | **252,554,321,366** |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |  | 411 |  | 264,000,000,000 |  | 264,000,000,000 |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần |  | 412 |  | 48,496,600,000 |  | 48,496,600,000 |
| 3. | Vốn khác của chủ sở hữu |  | 413 |  | - |  | - |
| 4. | Cổ phiếu quỹ |  | 414 |  | - |  | - |
| 5. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | 415 |  | - |  | - |
| 6. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái |  | 416 |  | - |  | - |
| 7. | Quỹ đầu tư phát triển |  | 417 |  | 1,268,874,614 |  | 1,268,874,614 |
| 8. | Quỹ dự phòng tài chính |  | 418 |  | 24,751,612 |  | 24,751,612 |
| 9. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 419 |  | - |  | - |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 420 |  | (81,339,493,603) |  | (61,235,904,860) |
| 11. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | | 421 |  | - |  | - |
| 12. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | | 422 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | | **430** |  | **-** |  | **-** |
| 1. | Nguồn kinh phí |  | 432 |  | - |  | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | | 433 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C -** | **LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ** | | **439** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **440** |  | **424,234,106,895** |  | **404,699,446,431** |
| **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CHỈ TIÊU** | | |  | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** |  | **Số đầu năm** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. | Tài sản thuê ngoài |  |  |  | - |  | - |
| 2. | Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | |  |  | - |  | - |
| 3. | Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | |  |  | - |  | - |
| 4. | Nợ khó đòi đã xử lý |  |  |  | - |  | - |
| 5. | Ngoại tệ các loại |  |  |  |  |  |  |
| 6. | Dự toán chi sự nghiệp, dự án |  |  |  | - |  | - |

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** | | | | | | | |
| **Năm 2012** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | Đơn vị tính: VND |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CHỈ TIÊU** | | | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** |  | **Năm trước** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.** | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **01** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2.** | **Các khoản giảm trừ doanh thu** | | **02** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3.** | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **10** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.** | **Giá vốn hàng bán** |  | **11** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **20** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6.** | **Doanh thu hoạt động tài chính** | | **21** |  | **8,745,888,251** |  | **14,778,905,020** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7.** | **Chi phí tài chính** |  | **22** |  | **24,423,988,665** |  | **2,706,672,270** |
|  | Trong đó: chi phí lãi vay |  | 23 |  | 4,099,165 |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8.** | **Chi phí bán hàng** |  | **24** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9.** | **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | | **25** |  | **4,869,465,802** |  | **6,211,158,749** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **30** |  | **(20,547,566,216)** |  | **5,861,074,001** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11.** | **Thu nhập khác** |  | **31** |  | **636,944,441** |  | **424,459,293** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12.** | **Chi phí khác** |  | **32** |  | **3,962,026** |  | **533,806,519** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **13.** | **Lợi nhuận khác** |  | **40** |  | **632,982,415** |  | **(109,347,226)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **14.** | **Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh** | | **45** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **15.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **50** |  | **(19,914,583,801)** |  | **5,751,726,775** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **16.** | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | | **51** |  | **189,004,942** |  | **50,524,694** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **17.** | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** | | **52** |  | **-** |  | **-** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **18.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | | **60** |  | **(20,103,588,743)** |  | **5,701,202,081** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***18.1.*** | ***Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*** | | ***61*** |  | ***-*** |  | ***-*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***18.2.*** | ***Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ*** | | ***62*** |  | ***(20,103,588,743)*** |  | ***5,701,202,081*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **19.** | **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** |  | **70** |  | **(761)** |  | **216** |

**3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** | | | | | | | |
| **(Theo phương pháp gián tiếp)** | | | | | | | |
| **Năm 2012** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | Đơn vị tính: VND |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CHỈ TIÊU** | | | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** |  | **Năm trước** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** |  | ***01*** |  | ***(19,914,583,801)*** |  | ***5,751,726,775*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** |  |  |  |  |  |  |
| - | Khấu hao tài sản cố định |  | 02 |  | 259,848,890 |  | 211,402,402 |
| - | Các khoản dự phòng |  | 03 |  | (522,745,405) |  | 1,940,833,400 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | | 04 |  | - |  | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư |  | 05 |  | (8,715,185,079) |  | (14,013,146,150) |
| - | Chi phí lãi vay |  | 06 |  | 4,099,165 |  | - |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*** | |  |  |  |  |  |
|  | ***trước thay đổi vốn lưu động*** |  | ***08*** |  | ***(28,888,566,230)*** |  | ***(6,109,183,573)*** |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu |  | 09 |  | 7,159,117,106 |  | (21,763,712,198) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho |  | 10 |  | (337,930,345) |  | (251,212,241) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả |  | 11 |  | 39,839,836,408 |  | 131,409,911,031 |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước |  | 12 |  | (121,762,991) |  | (232,175,078) |
| - | Tiền lãi vay đã trả |  | 13 |  | (4,099,165) |  | - |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | 14 |  | - |  | - |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 15 |  | 72,466,200 |  | 12,210,300,000 |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | 16 |  | (390,592,143) |  | (2,141,700,000) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | | ***20*** |  | ***17,328,468,840*** |  | ***113,122,227,941*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và | |  |  |  |  |  |
|  | các tài sản dài hạn khác |  | 21 |  | (49,808,261,727) |  | (170,076,067,133) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và | |  |  |  |  |  |
|  | các tài sản dài hạn khác |  | 22 |  | - |  | - |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của | |  |  |  |  |  |
|  | đơn vị khác |  | 23 |  | - |  | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của | |  |  |  |  |  |
|  | đơn vị khác |  | 24 |  | 6,834,499,991 |  | - |
| 5. | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | | 25 |  | - |  | (100,132,270,861) |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | | 26 |  | 37,352,267,000 |  | 76,707,917,384 |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 27 |  | 8,576,702,335 |  | 14,778,905,020 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | | ***30*** |  | ***2,955,207,599*** |  | ***(178,721,515,590)*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của | |  |  |  |  |  |
|  | chủ sở hữu |  | 31 |  | - |  | 19,410,081,377 |
| 2. | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại | |  |  |  |  |  |
|  | cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | 32 |  | - |  | - |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 33 |  | - |  | - |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay |  | 34 |  | - |  | (1,000,000,000) |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính |  | 35 |  | - |  | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | 36 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | | ***40*** |  | ***-*** |  | ***18,410,081,377*** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **50** |  | **20,283,676,439** |  | **(47,189,206,272)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **60** | **V.1** | **19,127,234,881** |  | **66,316,441,153** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 61 |  | - |  | - |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | | **70** | **V.1** | **39,410,911,320** |  | **19,127,234,881** |

**IX: CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Không có

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày 19 tháng 4 năm 2013.  **Tổng Giám đốc** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |
|  | **Nguyễn Duy Khanh** |